

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1677/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2020

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa – Thẩm phán: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nhanh.
Bà Nguyễn Thị Thanh Mai.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trường An – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Yên Oanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 436/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4668/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số 414 đường C, Khu phố S, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà H Hong T (H Hong.T.T), sinh năm 1978.

Quốc tịch: Hoa Kỳ.

Địa chỉ: USA.

(Nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và Bản tự khai, nguyên đơn ông Lê Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà H Hong T (H Hong.T.T) tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn vào sổ đăng ký kết hôn số 1743, quyển số 09, ngày 08/7/2014 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Sau khi kết hôn, ông và bà H Hong T (H Hong.T.T) chung sống đến tháng 12/2014 thì bà H Hong T (H Hong.T.T) trở về Mỹ. Đến tháng 08/2015, giữa ông và bà H Hong T (H Hong.T.T) thường xảy ra mâu thuẫn do cuộc sống mỗi người ở một nơi, dù đã cố gắng để đoàn tụ nhưng vẫn không thành. Do đó, ông yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho ông được ly hôn với bà H Hong T (H Hong.T.T).

Về con chung: Ông và bà H Hong T (H Hong.T.T) không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông và bà H Hong T (H Hong.T.T) không có tài sản chung, không có nợ chung.

Đối với bị đơn bà H Hong T (H Hong.T.T) hiện đang cư trú tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp ra nước ngoài để tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu cung cấp lời khai của bà H Hong T (H Hong.T.T) về việc ông Lê Văn H yêu cầu ly hôn với bà H Hong T (H Hong.T.T), nhưng bà H Hong T (H Hong.T.T) không cung cấp cho Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Lê Văn H có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tòa án đã tiến hành thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp ra nước ngoài để tổng đạt thông báo về ngày mở phiên tòa đối với bà H Hong T (H Hong.T.T) nhưng bà H Hong T (H Hong.T.T) vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với các đương sự vắng mặt, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Ông Lê Văn H và bà H Hong T (H Hong.T.T) từ lâu đã không còn chung sống, cho thấy quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Văn H và bà H Hong T (H Hong.T.T) hiện nay không tồn tại trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Văn H. Về con chung, về tài sản chung và về nợ chung ông Lê Văn H khai không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 25/6/2019, ông Lê Văn H đang cư trú tại Việt Nam có đơn xin ly hôn với bà H Hong T (H Hong.T.T) hiện đang cư trú tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về tố tụng:

Nguyên đơn là ông Lê Văn H có đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm theo Đơn đề nghị xét xử vắng mặt của ông Lê Văn H.

Ngày 04/10/2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Công văn số 725/UTTPDS-TA30 về việc tương trợ tư pháp gửi Bộ Tư pháp để ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc tổng đạt Thông báo về việc thụ lý, ngày giờ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mở phiên tòa vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm đối với bà H Hong T (H Hong.T.T) đang cư trú tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ.

Ngày 31/7/2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Công văn số 578/TATP-TGĐVNCTN về việc thông báo trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài gửi Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt

Nam tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ để niêm yết Thông báo về thời gian mở phiên tòa xét xử sơ thẩm tại trụ sở Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ trong thời hạn 01 (Một) tháng đối với bà H Hong T (H Hong.T.T).

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228, và Điểm b Khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Giữa ông Lê Văn H và bà H Hong T (H Hong.T.T) có quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Căn cứ vào các chứng cứ mà Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thu thập được từ Bản tự khai của ông Lê Văn H, có cơ sở để xác định rằng mục đích của hôn nhân giữa ông Lê Văn H và bà H Hong T (H Hong.T.T) đã không đạt được. Về phía bà H Hong T (H Hong.T.T), Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp ra nước ngoài hợp lệ, nhưng bà H Hong T (H Hong.T.T) không có văn bản trả lời hay đơn đề nghị xét xử vắng mặt, điều này chứng tỏ bà H Hong T (H Hong.T.T) không quan tâm đến cuộc hôn nhân này nữa. Do đó, việc ông Lê Văn H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét giải quyết cho ông Lê Văn H được ly hôn đối với bà H Hong T (H Hong.T.T) là có căn cứ để chấp nhận.

Về con chung: Ông Lê Văn H khai không có, nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lê Văn H khai không có, nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không xem xét, giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn H là nguyên đơn yêu cầu ly hôn nên căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, ông Lê Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 273, Điểm b Khoản 5 Điều 477, và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Lê Văn H như sau:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Lê Văn H được ly hôn với bà H Hong T (H Hong.T.T). Quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Văn H và bà H Hong T (H Hong.T.T)

chấm dứt, Giấy chứng nhận kết hôn vào sổ đăng ký kết hôn số 1743, quyển số 09, ngày 08/7/2014 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị kể từ khi bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Ông Lê Văn H khai không có, nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lê Văn H khai không có, nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà ông Lê Văn H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0024120 ngày 06/8/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lê Văn H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo bản án:

Ông Lê Văn H vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nên quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đối với ông Lê Văn H là 15 ngày, kể từ ngày ông Lê Văn H được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Bà H Hong T (H Hong.T.T) không có mặt tại phiên tòa, nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Mỹ Hạnh